

Số: 514./TB-BVTTHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

Thông báo
Về việc mời chào giá các mặt hàng thuốc đấu thầu tại
bệnh viện Tâm thần Hà Nội năm 2025

Kính gửi: Các nhà thầu

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội có kế hoạch tổ chức đấu thầu thuốc năm 2025. Để có cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc năm 2025, đề nghị Quý công ty báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh đáp ứng các tiêu chí tại Phụ lục 1 đính kèm.

Hồ sơ báo giá gồm: Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm), giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược còn hiệu lực.

Yêu cầu đối với các tài liệu báo giá:

- Báo giá có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty hoặc người được ủy quyền, đóng dấu và giáp lai giữa các trang.

- Đơn giá nêu trong Báo giá của Công ty là mức giá bán đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết để cung ứng thuốc đến khoa Dược của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội.

- Thời hạn hiệu lực của Báo giá: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

- Cách thức nhận báo giá: Nhận báo giá trực tiếp: Khoa Dược - Bệnh viện Tâm thần Hà Nội. Địa chỉ: Ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội. Mọi thông tin chi tiết liên hệ: DS Hằng - SĐT: 0985374048

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 phút ngày 9 tháng 9 năm 2024 đến 16 giờ 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2024 (Trong giờ hành chính). Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được chấp nhận.

Nơi nhận:

- BGD (để báo cáo);
- Các nhà thầu;
- CĐT (đăng website)
- Lưu VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Vũ Ngọc Ủy

Phụ lục 1: Danh mục thuốc xin báo giá

(Kèm theo thông báo số 514/TB-BVTTHN ngày 06/9/2024 của bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

I. Danh mục thuốc generic

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Alpha chymotrypsin	N2	4,2mg	Uống	Viên	Viên	3.500
2	Alimemazin	N4	5mg	Uống	viên	Viên	50.000
3	Promethazin hydroclorid	N1	50mg/2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1.300
4	Carbamazepin	N4	200 mg	Uống	Viên	Viên	35.000
5	Lamotrigin	N1	50mg	Uống	viên	viên	6.700
6	Lamotrigin	N2	50mg	Uống	viên	viên	12.000
7	Levetiracetam	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	60.000
8	Oxcarbazepin	N1	300mg	Uống	Viên	Viên	10.000
9	Oxcarbazepin	N4	300mg	uống	viên	viên	18.000
10	Oxcarbazepin	N5	300mg	Uống	Viên	Viên	14.000
11	Phenobarbital	N2	100mg	Uống	Viên	Viên	100.000
12	Phenobarbital	N5	200mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	60
13	Phenytoin	N4	100mg	Uống	Viên	Viên	13.000
14	Topiramát	N4	50mg	Uống	viên	Viên	40.000
15	Valproat natri	N1	200mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	130.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
16	Valproat natri	N5	200mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	60.000
17	Valproat natri	N2	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	200.000
18	Cefuroxim	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	6.000
19	Spiramycin + metronidazol	N1	750.000IU + 125mg	Uống	Viên	Viên	1.600
20	Trihexyphenidyl hydroclorid	N2	2mg	Uống	Viên	Viên	12.000
21	Sắt fumarat + acid folic	N4	200mg+1,5 mg	Uống	Viên	Viên	40.000
22	Propranolol	N4	40mg	uống	viên	viên	2.400
23	Enalapril	N4	5mg	uống	viên	viên	2.000
24	Perindopril + indapamid	N1	5mg (dạng muối)+ 1,25mg	Uống	Viên	Viên	2.100
25	Gadoteric acid	N1	0,5mmol/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	2
26	Povidon Iodine	N4	10%-100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	65
27	Bisacodyl	N4	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000
28	Silymarin	N4	70mg	uống	viên	viên	70.000
29	Metformin	N1	850mg	uống	viên	viên	8.000
30	Diazepam	N1	10mg/2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	700
31	Diazepam	N4	10mg/2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	300

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
32	Diazepam	N1	5mg	Uống	Viên	Viên	60.000
33	Zopiclon	N2	7,5mg	Uống	Viên	Viên	18.000
34	Amisulprid	N4	200mg	Uống	Viên	Viên	35.000
35	Clorpromazin	N2	25mg	Uống	Viên	Viên	6.000
36	Clorpromazin	N4	25mg/2ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	35
37	Clozapin	N1	100mg	Uống	viên	viên	20.000
38	Clozapin	N4	100mg	Uống	Viên	Viên	220.000
39	Clozapin	N1	25mg	Uống	viên	viên	5.000
40	Clozapin	N4	25mg	Uống	Viên	Viên	35.000
41	Donepezil	N2	10mg	uống	viên	viên	6.000
42	Donepezil	N2	5mg	uống	viên	viên	12.000
43	Haloperidol	N4	1,5mg	Uống	Viên	Viên	60.000
44	Haloperidol	N4	5mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	10.000
45	Levomepromazin	N1	25mg	Uống	Viên	Viên	162.500
46	Levomepromazin	N4	25mg	Uống	Viên	Viên	50.000
47	Olanzapin	N1	10mg	Uống	Viên	Viên	20.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
48	Olanzapin	N3	10mg	Uống	Viên	Viên	170.000
49	Olanzapin	N1	5mg	Uống	Viên	Viên	25.000
50	Olanzapin	N2	5mg	Uống	Viên	Viên	35.000
51	Quetiapin	N1	100mg	Uống	Viên	Viên	20.000
52	Quetiapin	N2	100mg	Uống	Viên	Viên	60.000
53	Quetiapin	N4	150mg	uống	viên	viên	7.000
54	Quetiapin	N1	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	15.000
55	Quetiapin	N1	200mg	Uống	Viên	Viên	45.000
56	Quetiapin	N4	200mg	Uống	Viên	Viên	240.000
57	Quetiapin	N1	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	35.000
58	Quetiapin	N2	50mg	Uống	viên	Viên	15.000
59	Risperidon	N1	1mg	Uống	Viên	Viên	40.000
60	Risperidone	N1	2mg	Uống	viên	Viên	130.000
61	Risperidone	N3	2mg	Uống	viên	Viên	110.000
62	Sulpirid	N4	50mg	Uống	viên	viên	8.000
63	Ziprasidon	N4	20mg	uống	viên nang	viên	1.000
64	Amitriptylin hydroclorid	N1	25mg	Uống	Viên	Viên	6.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
65	Amitriptylin hydroclorid	N2	25mg	Uống	Viên	Viên	14.000
66	Citalopram	N1	40mg	Uống	viên	viên	1.000
67	Fluoxetin	N2	20mg	Uống	Viên	Viên	23.000
68	Fluvoxamin	N4	100mg	uống	viên	viên	5.000
69	Methylphenidate	N1	10mg	uống	viên	viên	360
70	Methylphenidate	N1	20mg	uống	viên	viên	2.520
71	Methylphenidate	N1	5mg	uống	viên	viên	360
72	Mirtazapin	N1	30mg	Uống	Viên	Viên	40.000
73	Mirtazapin	N2	30mg	Uống	Viên	Viên	50.000
74	Paroxetin	N1	20mg	Uống	Viên	Viên	75.000
75	Sertralin	N1	100mg	Uống	Viên	Viên	40.000
76	Sertralin	N4	100mg	Uống	Viên	Viên	18.000
77	Sertralin	N1	50mg	Uống	Viên	Viên	98.000
78	Sertralin	N2	50mg	Uống	Viên	Viên	80.000
79	Venlafaxin	N2	37,5mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000
80	Venlafaxin	N2	75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	25.000
81	Galantamin	N4	4mg	Uống	Viên	Viên	15.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
82	Kali clorid	N1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	9.300
83	Magnesi aspartat + kali aspartat	N1	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	55.000
84	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	N4	3,5g + 1,5g + 2,545g + 20g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	15.000
85	Glucose	N4	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	chai/lọ	350
86	Natri clorid	N4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ	5.000
87	Ringer lactat	N4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ	4.000
88	Nước cất pha tiêm	N4	5ml	tiêm	Thuốc tiêm truyền	lọ/ống	1.000
89	Vitamin B1	N4	100mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	12.000
90	Vitamin B1 + B6 + B12	N4	100mg + 100mg + 1000mcg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	600
91	Vitamin B1 + B6 + B12	N4	175mg + 175mg + 125mcg	Uống	Viên	Viên	110.000
92	Magie B6	N4	470mg + 5mg	uống	viên	Viên	500.000
93	Aripiprazol	N2	10mg	Uống	viên	viên	15.000
	Cộng: 93 khoản						

II. Danh mục thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương

1	Carbamazepine	Tegretol CR	200mg	uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	viên	40.000
2	Levetiracetam	Keppra	500mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	12.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
3	Topiramát	Topamax	50mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000
4	Valproate natri + valproic acid	Depakin Chrono	333mg + 145mg	uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	150.000
5	Methyl prednisolon	Solu-Medrol	40mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	20
6	Gliclazid	Diamicron MR	30mg	uống	viên giải phóng có kiểm soát	viên	6.500
7	Insulin aspart (rDNA)	Novorapid FlexPen	300U/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	2
8	Quetiapin fumarat	Seroquel XR	50mg	uống	Viên nén phóng thích kéo dài	viên	18.000
9	Risperidone	Risperdal	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	18.000
10	Risperidon	Risperdal	1mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	7.500
11	Fluvoxamin maleat	Luvox	100mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000
12	Sertralin	Zoloft	50mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	18.000
13	Salbutamol Sulfat	Ventolin	100mcg/liều x 200 liều	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình	12
	Cộng: 13 khoản						

Phụ lục 2: Mẫu báo giá

(Kèm theo thông báo số /TB-BVTTHN ngày /9/2024 của bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) có VAT	Số GPLH/ GPNK	Nơi sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu (nếu có)	Đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ngày trúng thầu (nếu có)
1														
2														
3														
...														

